

Bản án số: 28/2025/HNGĐ - ST

Ngày 28/5/2025

“V/v ly hôn giữa anh Nam
và chị Thu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Nông Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 02 /4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 28/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đình N, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995,

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và Bản ghi ý kiến, nguyên đơn là anh Vũ Đình N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 04/02/2013 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị T về gia đình anh chung sống. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn hoà hợp nhau. Chị T đã bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2014 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh N trình bày, vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vũ Thị Á, sinh ngày 20/11/2013, hiện đang ở cùng với anh và ông bà nội. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh N trình bày, vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía bị đơn là chị Nguyễn Thị T, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng chị T không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, anh N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đình N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao con chung Vũ Thị Á, sinh ngày 20/11/2013 cho anh Vũ Đình N trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh N không yêu cầu.

- Về án phí: Anh Vũ Đình N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu cư T1 trên địa bàn huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên việc Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù nguyên đơn là anh Vũ Đình N và bị đơn là chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xem xét yêu cầu của anh Vũ Đình N xin ly hôn chị Nguyễn Thị T: Anh N và chị T kết hôn với nhau ngày 04/02/2013 dựa trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù anh chị có thời gian chung sống hoà thuận và đã con chung nhưng chỉ sau khoảng một năm chung sống (đến năm 2014) thì anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hoà hợp nhau. Ngay thời điểm đó, chị T đã bỏ đi và vợ chồng sống ly thân nhau. Cho đến nay, thời gian anh chị sống ly thân nhau đã lâu mà đôi bên không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, anh N vẫn cương quyết xin ly hôn, còn chị T không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh N, cũng không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên hòa giải, không đến phiên toà, chứng tỏ chị T cũng không có nguyện vọng đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh N, xử cho anh N được ly hôn chị T.

[4]. Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Vũ Thị Á, sinh ngày 20/11/2013, hiện đang được anh N nuôi dưỡng, chăm sóc, đời sống vẫn được đảm bảo. Khi ly hôn, nguyện vọng của cháu Á muốn được ở với bố, phía chị T không đưa ra yêu cầu của mình về việc nuôi con chung. Vì vậy, cần giao cho anh Vũ Đình N trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh N tự nguyện không yêu cầu nên nghĩa vụ này không đặt ra đối với chị T cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

[5]. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Vũ Đình N không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên anh N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí anh N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng

dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đình N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Giao cho anh Vũ Đình N trực tiếp nuôi con chung là Vũ Thị Á, sinh ngày 20/11/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra cho đến khi đương sự có yêu cầu.

3/ Án phí: Anh Vũ Đình N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ anh N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001854 ngày 29/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Yên Thế
- Chi cục THA DS Yên Thế
- UBND xã Hàm Tử, h.Khoái Châu
tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà